

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cùng ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 0102307343 và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐT BXH-GP ngày 09/11/2009);
 - Kinh doanh bất động sản.
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013
Ông Đào Tiến Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Ngô Văn Tĩnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Ngô Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Kim Ngọc Nhân
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

CÔNG
CỔ
PHẦN
XÂY
DỰNG
VÀ
NHÂN
LỰC
VIỆT
NAM

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.435.583.246	221.016.334.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.353.133.841	18.157.241.050
1. Tiền	111		11.353.133.841	7.657.241.050
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.690.814.720	5.445.814.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	7.690.814.720	5.445.814.720
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.554.394.232	80.048.366.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	32.607.183.080	44.101.559.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.619.102.777	7.085.072.223
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	58.120.892.270	56.473.309.453
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(28.792.783.895)	(27.611.574.435)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		110.548.601.344	107.235.410.532
1. Hàng tồn kho	141	V.7	110.548.601.344	107.235.410.532
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.288.639.109	10.129.502.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.859.915.492	2.391.381.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.428.723.617	7.738.121.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.559.853.223	120.120.081.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.058.816.585	40.280.539.555
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	37.058.816.585	39.021.739.555
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	1.258.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.933.226.302	14.233.623.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	25.874.520.708	14.080.023.541
<i>Nguyên giá</i>	222		47.001.369.270	32.620.454.787
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.126.848.562)	(18.540.431.246)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.058.705.594	153.600.342
<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(104.327.406)	(93.854.658)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		358.601.788	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	358.601.788	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.174.008.548	65.236.871.684
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	62.954.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(254.264.328)	(803.401.192)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	3.473.702.876	3.085.702.876
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.200.000	369.046.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	35.200.000	369.046.217
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.995.436.469	341.136.416.232

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		159.407.244.682	152.225.547.761
I. Nợ ngắn hạn	310		151.808.254.903	145.601.457.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	70.278.416.401	69.220.500.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	28.781.316.371	27.804.664.466
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	784.988.795	1.248.330.504
4. Phải trả người lao động	314		8.697.583.274	9.331.510.149
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	36.246.728.710	719.403.291
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.546.058.598	1.930.499.615
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	3.149.911.442	34.023.297.913
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.323.251.312	1.323.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.598.989.779	6.624.090.435
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	7.598.989.779	6.624.090.435
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.588.191.787	188.910.868.471
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	190.588.191.787	188.910.868.471
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.922.215.574	4.827.939.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.877.926.213	12.294.878.636
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.200.602.897	12.294.878.636
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.677.323.316	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349.995.436.469	341.136.416.232

KT/Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	174.527.342.010	88.398.437.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174.527.342.010	88.398.437.199
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163.626.550.925	78.047.437.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.900.791.085	10.350.999.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	751.364.871	2.445.296.051
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.123.938.426	2.607.433.956
Trong đó: chi phí lãi vay	23		753.730.154	1.316.017.189
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.524.653.471	6.613.784.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.003.564.059	3.575.077.274
11. Thu nhập khác	31	VI.6	83.045.739	23.311.609
12. Chi phí khác	32	VI.7	744.553.638	858.103.689
13. Lợi nhuận khác	40		(661.507.899)	(834.792.080)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.342.056.160	2.740.285.194
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	664.732.844	696.361.260
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.677.323.316	2.043.923.934
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

K.T. Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Đông Giám đốc

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.342.056.160	2.740.285.194
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.864.162.797	2.621.426.095
- Các khoản dự phòng	03		632.072.596	739.805.074
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	234.839.626	(11.035.833)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(324.907.304)	(750.048.782)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	753.730.154	1.316.017.189
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.501.954.029	6.656.448.937
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.076.984.482	(17.859.637.301)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.313.190.812)	16.869.856.187
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		38.499.475.567	(17.439.157.186)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		865.311.854	1.909.623.028
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(832.284.485)	(1.353.178.912)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.032.642.220)	(4.326.436.030)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.765.608.415	(15.542.481.277)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.215.094.271)	(291.727.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	711.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.106.000.000)	(7.459.166.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.473.000.000	11.574.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(21.818.970.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.032.425	1.022.619.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.514.061.846)	(16.261.426.171)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	34.209.640.538	37.298.731.596
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(65.083.027.009)	(43.696.066.449)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.873.386.471)	(6.397.334.853)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.621.839.902)	(38.201.242.301)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.157.241.050	58.787.051.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(182.267.307)	(1.066.603)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.353.133.841	20.584.742.542

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

KT/ Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường TKV	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	0%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	0%	79,69%	69,67%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó các công ty này là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 277 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 331 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ + Giá trị sản} \\ \text{lượng thực hiện trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra, tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.526.584.579	868.248.254
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.826.549.262	6.788.992.796
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	10.500.000.000
Cộng	11.353.133.841	18.157.241.050

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	7.690.814.720	7.690.814.720	5.445.814.720	5.445.814.720
Tiền gửi có kỳ hạn	7.690.814.720	7.690.814.720	5.445.814.720	5.445.814.720
Dài hạn	3.473.702.876	3.473.702.876	3.085.702.876	3.085.702.876
Tiền gửi có kỳ hạn	3.473.702.876	3.473.702.876	3.085.702.876	3.085.702.876
Cộng	11.164.517.596	11.164.517.596	8.531.517.596	8.531.517.596

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	62.954.570.000	(254.264.328)	62.954.570.000	(803.401.192)
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	21.030.000.000	(254.264.328)	21.030.000.000	(803.401.192)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV ⁽ⁱⁱ⁾	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Cộng	62.954.570.000	(254.264.328)	62.954.570.000	(803.401.192)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 12 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV là 50.000.000.000 VND. Số cổ phần là 5.000.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.421.900 cổ phiếu, tương đương 68,44% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.421.900 cổ phiếu, tương đương 68,44%).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	803.401.192	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(549.136.864)	-
Số cuối kỳ	254.264.328	-

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (TKV)		
Bán vật tư, thiết bị cho TKV	1.590.223.996	-
Cho TKV thuê máy móc, thiết bị	3.471.428.571	-
Thi công xây lắp cho TKV	-	7.777.016.369
Cho TKV thuê xe, văn phòng	-	600.000.000
Vay TKV	7.000.000.000	-
Lãi vay TKV	48.611.111	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (CM Đầu tư)		
Mua hàng hóa của CM Đầu tư	6.150.357.451	2.308.401.764
Cho CM Đầu tư thuê văn phòng	-	36.136.363
Vay CM Đầu tư	-	1.500.000.000
Trả lại tiền vay CM Đầu tư	1.571.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	697.319.925	673.502.100
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	697.319.925	673.502.100
Phải thu các khách hàng khác	31.909.863.155	43.428.057.027
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	5.906.047.298	5.906.047.298
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	3.527.430.000	-
Công ty SK Engineering and Construction	6.264.373.653	8.219.646.035
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	2.474.221.102	15.376.487.348
Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin	1.195.948.350	6.873.352.793
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	4.970.723.000	-
Các khách hàng khác	7.571.119.752	7.052.523.553
Cộng	32.607.183.080	44.101.559.127
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	37.058.816.585	39.021.739.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	8.021.217.725	8.021.217.725
Công ty SK Engineering and Construction	13.842.814.177	12.129.708.772
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	6.941.879.000	5.772.774.000
BQL Dự án nhà máy ALUMINA Nhân cơ - Vinacomin	-	4.558.343.418
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	3.500.000.000	3.500.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Các khách hàng khác	2.061.905.683	2.348.695.640
Cộng	37.058.816.585	39.021.739.555

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>9.619.102.777</i>	<i>7.085.072.223</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất SUNECO	7.010.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Việt Anh	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn & Kỹ thuật Abel Việt Nam	-	1.771.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	-	1.157.099.717
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	-	3.837.592.759
Các nhà cung cấp khác	1.609.102.777	319.379.747
Cộng	<u>9.619.102.777</u>	<u>7.085.072.223</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.604.031.809</i>	-	<i>1.861.225.349</i>	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại - Các khoản chi hộ	3.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường - TKV - Các khoản chi hộ	336.832.303	-	232.257.391	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Tạm ứng	1.983.181.142	-	1.346.270.868	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	281.018.364	-	282.697.090	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>55.516.860.461 (21.540.049.741)</i>		<i>54.612.084.104 (21.540.049.741)</i>	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	758.919.575	-	475.317.429	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên – Tiền lãi vay, tiền chi hộ	21.540.049.741 (21.540.049.741)		21.540.049.741 (21.540.049.741)	
Công ty TNHH Cavico Việt Nam – Tiền chi hộ	12.610.656.272	-	12.610.656.272	-
Công ty TNHH MTV Cavico Khai thác mỏ Quảng Ninh – Tiền chi hộ	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Tạm ứng	827.040.887	-	1.364.045.825	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.130.364.490	-	2.077.615.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn (*)	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.449.829.496	-	344.399.317	-
Cộng	<u>58.120.892.270 (21.540.049.741)</u>		<u>56.473.309.453 (21.540.049.741)</u>	

(*) Khoản đặt cọc mua cổ phiếu căn cứ hợp đồng nguyên tắc ngày 6 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực nhận chuyển nhượng 6.600.000 cổ phiếu (20% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin với giá trị chuyển nhượng 66 tỷ đồng, đặt cọc 20% giá trị hợp đồng. Sau khi

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Vietin được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án có thu phí, các bên sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng chính thức.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

6. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu về tiền bán hàng của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	-	Trên 3 năm	21.540.049.741	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Trên 3 năm	2.267.704.120	-	Trên 3 năm	2.267.704.120	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	-	Trên 3 năm	704.446.925	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa	Trên 3 năm	62.500.000	-	Trên 3 năm	62.500.000	-
Công ty Cổ phần Anh Cao	Trên 3 năm	55.850.000	-	Trên 3 năm	55.850.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Trên 3 năm	28.000.000	-	Trên 3 năm	28.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.906.047.298	1.771.814.189	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.906.047.298	2.953.023.649
Cộng		30.564.598.084	1.771.814.189		30.564.598.084	2.953.023.649

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.611.574.435	17.516.224.628
Trích lập dự phòng bổ sung	1.181.209.460	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	28.792.783.895	17.516.224.628

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	510.390.791	-	62.481.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.612.850.031	-	5.880.371.184	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.265.108.254	-	101.132.306.080	-
Thành phẩm	160.252.268	-	160.252.268	-
Cộng	110.548.601.344	-	107.235.410.532	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	596.117.196	1.380.689.398
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	491.513.332	-
Phí bảo lãnh	413.178.630	470.504.949
Chi phí sửa chữa	289.354.000	260.064.281
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	69.752.334	280.122.501
Cộng	1.859.915.492	2.391.381.129

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	-	359.446.217
Các chi phí trả trước dài hạn khác	35.200.000	9.600.000
Cộng	35.200.000	369.046.217

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	22.407.540.094	9.767.005.845	445.908.848	32.620.454.787
Mua trong kỳ	14.940.914.483	-	-	14.940.914.483
Thanh lý, nhượng bán	-	(560.000.000)	-	(560.000.000)
Số cuối kỳ	37.348.454.577	9.207.005.845	445.908.848	47.001.369.270
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.847.113.947	557.289.573	364.108.848	11.768.512.368
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	14.786.037.567	3.346.171.708	408.221.971	18.540.431.246
Khấu hao trong kỳ	1.922.937.794	909.709.826	21.042.429	2.853.690.049
Thanh lý, nhượng bán	-	(267.272.733)	-	(267.272.733)
Số cuối kỳ	16.708.975.361	3.988.608.801	429.264.400	21.126.848.562
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.621.502.527	6.420.834.137	37.686.877	14.080.023.541
Số cuối kỳ	20.639.479.216	5.218.397.044	16.644.448	25.874.520.708
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	209.455.000	38.000.000	247.455.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Mua trong kỳ	12.915.578.000	-	-	12.915.578.000
Số cuối kỳ	<u>12.915.578.000</u>	<u>209.455.000</u>	<u>38.000.000</u>	<u>13.163.033.000</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	55.854.658	38.000.000	93.854.658
Khấu hao trong kỳ	-	10.472.748	-	10.472.748
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>66.327.406</u>	<u>38.000.000</u>	<u>104.327.406</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	153.600.342	-	153.600.342
Số cuối kỳ	<u>12.915.578.000</u>	<u>143.127.594</u>	<u>-</u>	<u>13.058.705.594</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Công trình tòa nhà văn phòng CMVIETNAM	-	358.601.788	-	-	358.601.788
Cộng	<u>-</u>	<u>358.601.788</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>358.601.788</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>11.716.440.205</u>	<u>9.850.569.183</u>
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	4.101.194.052	4.101.194.052
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.028.540.443	162.669.421
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>58.561.976.196</u>	<u>59.369.930.893</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	18.398.338.158	25.749.712.711
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	11.361.309.005	2.586.373.842
Các nhà cung cấp khác	22.763.503.081	24.995.018.388
Cộng	<u>70.278.416.401</u>	<u>69.220.500.076</u>

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.598.989.779	6.624.090.435
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	1.132.301.645	126.482.172
Các nhà cung cấp khác	1.085.680.856	1.116.600.985
Cộng	7.598.989.779	6.624.090.435

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	28.781.316.371	27.804.664.466
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hud Sài Gòn	3.049.960.800	6.799.894.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	17.000.000.000	-
Duglas Alliance	4.378.000.000	4.378.000.000
Công ty SK Engineering and Construction	4.176.149.494	7.953.918.365
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	8.672.852.101
Công ty Cổ phần Xi măng Nghi Sơn	177.206.077	-
Cộng	28.781.316.371	27.804.664.466

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	160.858.000	(160.858.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.032.703.220	664.732.844	(1.032.642.220)	664.793.844
Thuế thu nhập cá nhân	215.627.284	275.298.215	(372.684.751)	118.240.748
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	298.601.142	(296.646.939)	1.954.203
Cộng	1.248.330.504	1.402.490.201	(1.865.831.910)	784.988.795

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.342.056.160	2.740.285.194
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	981.608.058	1.709.030.368
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.229.754.243	1.729.626.218
Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng	378.823.684	340.186.670
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động SXKD	-	175.932.056
Lãi phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH, các khoản phạt	298.601.193	584.968.259
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm trước	-	628.539.233
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	238.213.753	-
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	314.115.613	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(248.146.185)	(20.595.850)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	(20.595.850)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm trước	(248.146.185)	-
Thu nhập chịu thuế	3.323.664.218	4.449.315.562
Thu nhập được miễn thuế	-	(967.509.260)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	3.323.664.218	3.481.806.302
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	664.732.844	696.361.260

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	17.741.462.764	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV -	17.741.462.764	-
Phải trả về chi phí công trình	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.505.265.946	719.403.291
Chi phí lãi vay phải trả	-	78.554.331
Trích trước chi phí công trình	18.477.796.528	640.848.960
Chi phí khác	27.469.418	-
Cộng	36.246.728.710	719.403.291

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.546.058.598	1.930.499.615
Kinh phí công đoàn	198.636.366	262.926.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.077.592.686	251.138.705
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	899.769.353	1.114.930.426
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	370.060.193	301.504.484
Cộng	2.546.058.598	1.930.499.615

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	895.471.321	2.139.471.321
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	568.471.321	2.139.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông ⁽ⁱ⁾	327.000.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.254.440.121	31.883.826.592
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.254.440.121	31.550.493.592
<i>Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt⁽ⁱⁱ⁾</i>	-	15.655.207.185
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	2.254.440.121	15.895.286.407
Vay dài hạn đến hạn trả	-	333.333.000
Cộng	3.149.911.442	34.023.297.913

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.550.493.592	16.402.251.307	(45.698.304.778)	2.254.440.121
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.139.471.321	7.330.000.000	(8.574.000.000)	895.471.321
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	-	10.477.389.231	(10.477.389.231)	-
<i>Bà Nguyễn Thị Loan – Bên liên quan</i>	-	2.677.389.231	(2.677.389.231)	-
<i>Vay các cá nhân khác – Không phải bên liên quan</i>	-	7.800.000.000	(7.800.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	333.333.000	-	(333.333.000)	-
Cộng	34.023.297.913	34.209.640.538	(65.083.027.009)	3.149.911.442

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động, không lãi suất, không xác định thời hạn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.
- (iv) Khoản vay các cá nhân không có lãi suất, không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	857.610.520	-	-	857.610.520
Quỹ phúc lợi	465.640.792	-	-	465.640.792
Cộng	1.323.251.312	-	-	1.323.251.312

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	3.881.309.836	29.483.202.345	205.152.562.181
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	2.043.923.934	2.043.923.934
Trích lập các quỹ	-	-	946.629.999	(946.629.999)	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	(129.000.000)	(129.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	172.000.000.000	(211.950.000)	4.827.939.835	30.451.496.280	207.067.486.115
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	4.827.939.835	12.294.878.636	188.910.868.471
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.677.323.316	1.677.323.316
Trích lập các quỹ	-	-	94.275.739	(94.275.739)	-
Số dư cuối kỳ này	172.000.000.000	(211.950.000)	4.922.215.574	13.877.926.213	190.588.191.787

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 94.275.739

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.272,75	12.655,37
Kip Lao(LAK)	650.080,20	1.147.366,20

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.590.223.996	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	571.200.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.471.428.571	3.637.558.293
Doanh thu hợp đồng xây dựng	169.465.689.443	84.189.678.906
Cộng	174.527.342.010	88.398.437.199

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.475.510.087	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	276.476.160
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.494.759.239	3.208.500.769
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	160.656.281.599	74.562.460.608
Cộng	163.626.550.925	78.047.437.537

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	425.708.337	1.107.405.827
Lãi tiền cho vay	-	73.819.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	967.509.260
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	325.656.534	285.525.756
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	11.035.833
Cộng	751.364.871	2.445.296.051

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	753.730.154	1.316.017.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	684.505.510	551.388.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	234.839.626	-
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(549.136.864)	739.805.074
Chi phí tài chính khác	-	222.897
Cộng	1.123.938.426	2.607.433.956

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.231.976.294	3.640.210.752
Chi phí vật liệu quản lý	-	283.333.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.174.371	404.319.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	837.566.719	934.179.367
Thuế, phí và lệ phí	150.136.108	157.258.449
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.181.209.460	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.857.590.519	1.194.482.679
Cộng	7.524.653.471	6.613.784.483

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý vật tư, thiết bị	46.818.182	-
Thu nhập khác	36.227.557	23.311.609
Cộng	83.045.739	23.311.609

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	92.727.267	272.570.805
Thu từ thanh lý	200.000.000	711.818.182
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	292.727.267	984.388.987
Thuế bị phạt, bị truy thu	298.601.142	584.968.259
Chi phí khác	353.225.229	564.625
Cộng	744.553.638	858.103.689

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.109.322.658	14.238.481.221
Chi phí nhân công	35.689.142.048	34.400.068.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.864.162.796	2.621.426.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.447.704.782	14.322.736.518
Chi phí khác	1.698.164.199	2.650.892.551
Cộng	173.808.496.483	68.233.604.711

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	69.000.000	129.000.000
Tạm ứng cho thành viên HĐQT	2.264.199.506	993.736.410

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	896.419.697	933.400.000
Cộng	896.419.697	933.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch vay Công ty Cổ phần CM Thành Đông với số tiền là 330.000.000 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.5a, V.12a, V.15 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	135.797.469.176	38.729.872.834	174.527.342.010
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.797.469.176	38.729.872.834	174.527.342.010
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.213.747.389	4.687.043.696	10.900.791.085
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7.524.653.471)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.376.137.614
Doanh thu hoạt động tài chính			751.364.871
Chi phí tài chính			(1.123.938.426)
Thu nhập khác			83.045.739
Chi phí khác			(744.553.638)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(664.732.844)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.677.323.316
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.918.405.392	60.909.091	14.979.314.483

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>1.893.467.673</i>	<i>1.342.941.323</i>	<i>3.236.408.996</i>
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.079.704.755	56.318.732.444	88.398.437.199
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>32.079.704.755</i>	<i>56.318.732.444</i>	<i>88.398.437.199</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.676.678.745	5.674.320.917	10.350.999.662
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.613.784.483)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.737.215.179
Doanh thu hoạt động tài chính			2.445.296.051
Chi phí tài chính			(2.607.433.956)
Thu nhập khác			23.311.609
Chi phí khác			(858.103.689)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(696.361.260)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<i>2.043.923.934</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>7.303.027</i>	<i>291.727.273</i>	<i>299.030.300</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>1.667.174.934</i>	<i>1.716.292.339</i>	<i>3.383.467.273</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	170.883.604.479	46.719.735.507	217.603.339.986
Tài sản phân bổ cho bộ phận	10.439.833.465	2.977.473.917	13.417.307.382
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			118.974.789.101
<i>Tổng tài sản</i>			<i>349.995.436.469</i>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	133.559.502.732	9.345.948.529	142.905.451.261
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	9.829.172.154	2.803.311.357	12.632.483.511
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.869.309.910
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<i>159.407.244.682</i>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	169.419.979.664	42.041.344.314	211.461.323.978
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.587.571.619	1.326.456.069	2.914.027.688
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			126.761.064.566
<i>Tổng tài sản</i>			<i>341.136.416.232</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	91.061.359.064	12.587.895.913	103.649.254.977
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	24.011.771.529	20.062.439.824	44.074.211.353
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.502.081.431
Tổng nợ phải trả			152.225.547.761

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa, thành phẩm.
- Lĩnh vực Dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực xây lắp	169.465.689.443	84.189.678.906
Lĩnh vực thương mại	1.590.223.996	571.200.000
Lĩnh vực dịch vụ	3.471.428.571	3.637.558.293
Cộng	174.527.342.010	88.398.437.199

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

KT/ Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân